

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Xuyên;
2. Ông Đàm Công Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T, trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các bản tự khai tại Tòa án của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Vũ Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng

ký kết hôn ngày 15 tháng 4 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống tại Thôn P, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Bà biết sự việc có nói với ông T thì bị ông T chửi bới, đánh đập. Vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Ông T tự ý bỏ đi chung sống như vợ chồng với người phụ nữ đó, bà và gia đình khuyên can nhưng có kết quả. Bà đã về nhà mẹ đẻ ở tại C, xã Q từ tháng 10 tháng 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xét thấy không còn tình cảm với ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Văn T.

Về con chung: Bà H trình bày bà và ông T có hai con chung là Vũ Quốc H, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1991, hiện đã trưởng thành và Vũ Phương T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2003. Ly hôn bà đề nghị được nuôi con Vũ Phương T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày bà tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn T có lời khai: Ông thống nhất với lời khai của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Vợ chồng không xảy ra đánh cãi chửi nhau, do bà H không muốn sống với ông nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 8 năm 2019, vợ chồng sống ly thân nhau. Nếu bà H quay về chung sống ông đồng ý, còn nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý, đề nghị tòa án giải quyết theo đơn của bà H, ông không khiếu kiện gì.

Về con chung: Ông T thống nhất vợ chồng có 02 con chung, họ tên tuổi các con như bà H trình bày. Con Vũ Phương T hiện đang ở với bà H, ly hôn tùy ý kiến của cháu Thảo muốn ở với bà H thì ông nhất trí và ông có trách nhiệm tự nguyện với con chung.

Về tài sản chung: Ông T trình bày ông tự thỏa thuận với bà H, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Vũ Văn T không có mặt tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Vũ Văn T; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Vũ Phương T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2003 cho bà H nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T; về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vũ Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn ông Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Văn T.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 4 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng, ông bà mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà H về nhà mẹ đẻ ở xã Q ở từ năm 2019 và sống ly thân với ông T từ đó đến nay, hai bên không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là Vũ Quốc H, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1991, hiện đã trưởng thành và Vũ Phương T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2003. Ly hôn bà H đề nghị được nuôi con Vũ Phương T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét bà H hiện đang nuôi con có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định cùng với mẹ đẻ bà tại thôn Cẩm Vãn, xã Quốc Tuấn. Con Vũ

Phương T có đề nghị được ở với bà H và ông T đồng ý nguyện vọng của con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con Vũ Phương T, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Vũ Văn T.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Phương T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2003 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Vũ Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011311 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn